

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

**BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2007/QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

về việc ban hành Quy định quản lý thuê bao di động trả trước

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Bộ Luật dân sự đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật an ninh quốc gia đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh bưu chính, viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 160/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều

của Pháp lệnh bưu chính, viễn thông về viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 142/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định Quy định xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng thường trực Nguyễn Sinh Hùng tại Văn bản số 311/VPCP-CN ngày 16 tháng 01 năm 2007 về Đề án quản lý thuê bao điện thoại di động trả trước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Viễn thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết

định này quy định về quản lý thuê bao di động trả trước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng Vụ Viễn thông, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương, các doanh nghiệp thông tin di động, chủ các điểm giao dịch dịch vụ thông tin di động trả trước và chủ thuê bao sử dụng dịch vụ thông tin di động trả trước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Nam Thắng

QUY ĐỊNH**về quản lý thuê bao di động trả trước**

(ban hành kèm theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BTTTT ngày 04 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này điều chỉnh các hoạt động đăng ký, lưu giữ và sử dụng các thông tin về nhân thân và số máy của người đứng tên đại diện cho cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân sử dụng dịch vụ thông tin di động mặt đất trả trước (sau đây gọi tắt là dịch vụ di động trả trước) nhằm sử dụng, khai thác hiệu quả tài nguyên viễn thông, thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường viễn thông Việt Nam và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động viễn thông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ di động trả trước;

2. Doanh nghiệp thông tin di động;

3. Chủ các điểm giao dịch dịch vụ thông tin di động trả trước (sau đây gọi tắt là Chủ điểm giao dịch);

4. Chủ thuê bao sử dụng dịch vụ thông

tin di động trả trước (sau đây gọi tắt là Chủ thuê bao).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ sử dụng trong quy định này được hiểu như sau:

1. Dịch vụ di động trả trước là dịch vụ mà người sử dụng dịch vụ phải trả tiền trước cho doanh nghiệp thông tin di động thông qua hình thức thẻ SIM trả trước hoặc máy đầu cuối di động trả trước (loại không dùng thẻ SIM) hoặc các hình thức tương tự khác.

2. Doanh nghiệp thông tin di động là doanh nghiệp viễn thông được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ thông tin di động.

3. Chủ điểm giao dịch là tổ chức hoặc cá nhân được doanh nghiệp thông tin di động ủy quyền tiếp nhận đăng ký thông tin thuê bao và chuyển các thông tin đã đăng ký về doanh nghiệp để doanh nghiệp cập nhật vào cơ sở dữ liệu và kích hoạt dịch vụ cho thuê bao.

4. Chủ thuê bao là người đứng tên đại diện cho cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân

sử dụng dịch vụ thông tin di động trả trước, bao gồm:

a) Chủ thuê bao di động trả trước của các mạng điện thoại di động nội vùng và di động toàn quốc;

b) Chủ thuê bao di động trả trước của mạng điện thoại trung kế vô tuyến;

c) Chủ thuê bao di động trả trước của các mạng viễn thông khác do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

5. Cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao là tập hợp các trang thiết bị (bao gồm cả phần cứng và phần mềm) được liên kết với nhau để phục vụ việc cập nhật, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao của doanh nghiệp thông tin di động.

Điều 4. Nguyên tắc đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao

1. Phương thức, thủ tục đăng ký phải hợp lý, đơn giản; không gây phiền hà và không tạo thêm chi phí cho chủ thuê bao.

2. Đảm bảo thông tin thuê bao được đăng ký, lưu giữ thống nhất, tập trung, tin cậy và sử dụng đúng mục đích.

3. Đảm bảo bí mật đối với thông tin thuê bao theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp thông tin di động có trách nhiệm bảo đảm bí mật thông tin thuê bao trừ các trường hợp sau đây:

a) Chủ thuê bao đồng ý cho cung cấp các thông tin của mình;

b) Các doanh nghiệp thông tin di động có thỏa thuận bằng văn bản với nhau về việc trao đổi, cung cấp thông tin thuê bao để quản lý cước phí sử dụng và ngăn chặn hành vi trốn tránh thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của chủ thuê bao;

c) Khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương II

ĐĂNG KÝ, LƯU GIỮ VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN THUÊ BAO DI ĐỘNG TRẢ TRƯỚC

Điều 5. Đối tượng đăng ký

Mọi đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 3 đều phải đăng ký thông tin thuê bao, bao gồm:

1. Chủ thuê bao bắt đầu sử dụng dịch vụ di động trả trước;

2. Chủ thuê bao di động trả trước đang được mở hai chiều;

3. Chủ thuê bao di động trả trước đã bị khóa một chiều;

4. Chủ thuê bao di động trả trước đã bị khóa hai chiều nhưng đang còn trong

thời gian được giữ số thuê bao theo quy định và đăng ký sử dụng lại.

5. Chủ thuê bao di động trả trước thay đổi thông tin đăng ký.

Điều 6. Đăng ký thông tin thuê bao

1. Đối với chủ thuê bao là cá nhân quy định tại Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 5 và đối với thuê bao đại diện cho cơ quan, tổ chức phải đến đăng ký trực tiếp tại điểm giao dịch để cung cấp số thuê bao, chứng minh thư hoặc hộ chiếu đang còn thời hạn sử dụng và giấy giới thiệu (áp dụng cho thuê bao đại diện cho cơ quan, tổ chức) cho chủ điểm giao dịch.

2. Đối với chủ thuê bao là cá nhân quy định tại Khoản 2, Khoản 5 Điều 5 được phép lựa chọn các phương thức đăng ký sau đây:

a) Đăng ký qua tin nhắn SMS bằng chính số thuê bao đang sử dụng đến hệ thống theo mẫu mà doanh nghiệp thông tin di động thông báo cho thuê bao, hoặc;

b) Đăng ký qua cổng thông tin điện tử của doanh nghiệp thông tin di động bằng chính tài khoản của thuê bao đang sử dụng theo mẫu mà doanh nghiệp thông báo cho thuê bao, hoặc;

c) Đăng ký trực tiếp tại điểm giao dịch như quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Các thông tin thuê bao phải được doanh nghiệp và chủ điểm giao dịch kiểm tra, cập nhật, lưu giữ và quản lý bao gồm:

a) Đối với chủ thuê bao là cá nhân người Việt Nam:

- Số máy thuê bao đầy đủ (mã mạng hoặc mã vùng và số thuê bao);

- Họ và tên đầy đủ của chủ thuê bao;

- Ngày tháng năm sinh của chủ thuê bao;

- Số chứng minh thư của chủ thuê bao.

b) Đối với chủ thuê bao là người nước ngoài:

- Số máy thuê bao đầy đủ (mã mạng hoặc mã vùng và số thuê bao);

- Họ và tên đầy đủ của chủ thuê bao;

- Ngày tháng năm sinh của chủ thuê bao;

- Quốc tịch của chủ thuê bao;

- Số hộ chiếu của chủ thuê bao.

c) Đối với chủ thuê bao là người đứng tên đại diện cho cơ quan, tổ chức:

- Số máy thuê bao đầy đủ (mã mạng hoặc mã vùng và số thuê bao);

- Tên gọi và địa chỉ giao dịch của cơ quan, tổ chức (theo giấy giới thiệu);

- Họ và tên đầy đủ của chủ thuê bao;

- Ngày tháng năm sinh của chủ thuê bao;

- Số chứng minh thư của chủ thuê bao.

4. Đối với người dưới 14 tuổi (không có chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu) phải có bố mẹ hoặc người giám hộ theo quy định của pháp luật đứng bảo lãnh đăng ký.

5. Trong trường hợp chủ thuê bao cung cấp không đầy đủ hoặc không chính xác các thông tin thuê bao quy định tại Khoản 3 Điều này thì doanh nghiệp hoặc chủ điểm giao dịch không chấp nhận thông tin đăng ký và thông báo cho chủ thuê bao biết.

6. Đối với các đối tượng sử dụng phương thức đăng ký qua bản tin SMS hoặc cổng thông tin điện tử, đối với mỗi lần nhận đăng ký, doanh nghiệp thông tin di động phải gửi một (01) thông báo phản hồi bằng bản tin SMS hoặc gọi điện trực tiếp cho chủ thuê bao về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận thông tin đăng ký. Sau tối đa 03 (ba) lần gửi thông báo phản hồi bằng bản tin SMS hoặc gọi điện trực tiếp không chấp nhận thông tin đăng ký, doanh nghiệp sẽ từ chối thực hiện việc đăng ký bằng phương thức SMS và cổng thông tin điện tử, còn chủ thuê bao phải đến điểm giao dịch để đăng ký trực tiếp theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

7. Số liệu thông tin thuê bao quy định tại Khoản 3 Điều 6 phải được cập nhật vào cơ sở dữ liệu tập trung của doanh nghiệp chậm nhất là 48 giờ kể từ khi tiếp nhận đăng ký trực tiếp tại điểm giao dịch hoặc bằng SMS hoặc bằng cổng thông tin điện tử.

8. Đối với đối tượng quy định tại Khoản 1, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 5, chậm nhất là 03 giờ (trong điều kiện hệ thống hoạt động bình thường) sau khi tiếp nhận đăng ký thông tin thuê bao tại điểm giao dịch theo quy định, doanh nghiệp thông tin di động phải kích hoạt đầy đủ dịch vụ cho thuê bao.

9. Sau thời hạn 24 tháng kể từ ngày Bộ Thông tin và Truyền thông chính thức công bố thời điểm bắt đầu triển khai kế hoạch quản lý thuê bao di động trả trước theo Quyết định này, thuê bao di động trả trước quy định tại Điều 5 không đăng ký thông tin thuê bao theo quy định hoặc có ý cung cấp thông tin không chính xác sẽ bị chấm dứt hoạt động. Các thuê bao này muốn sử dụng lại dịch vụ phải làm thủ tục như đối với thuê bao mới.

Điều 7. Lưu giữ thông tin thuê bao

1. Việc lưu giữ thông tin thuê bao được thực hiện trên nguyên tắc thiết lập cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao tập trung và thống nhất trong từng doanh nghiệp thông tin di động. Hệ thống cơ sở dữ liệu

thông tin thuê bao của doanh nghiệp phải được tổ chức khoa học, tin cậy, an toàn.

2. Cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao của doanh nghiệp thông tin di động được kết nối với cơ sở dữ liệu của các cơ quan quản lý nhà nước để sử dụng cho các trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 8.

Điều 8. Sử dụng thông tin thuê bao

Thông tin thuê bao chỉ được cung cấp, sử dụng cho các mục đích sau đây:

1. Phục vụ cho công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin;
2. Phục vụ cho công tác quản lý về mạng lưới, dịch vụ và quản lý tài nguyên viễn thông;
3. Phục vụ cho hoạt động quản lý, khai thác mạng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thông tin di động;

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, DOANH NGHIỆP VÀ CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG DỊCH VỤ

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

1. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ và các

doanh nghiệp thông tin di động tổ chức tuyên truyền, phổ biến việc thực hiện Quyết định này trên các phương tiện thông tin đại chúng để hướng dẫn dư luận và người sử dụng dịch vụ;

b) Xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai việc quản lý thuê bao di động trả trước theo quy định này;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao di động trả trước theo thẩm quyền và các quy định hiện hành của pháp luật;

d) Chủ trì phối hợp với Bộ Công an, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để triển khai việc quản lý thuê bao di động trả trước theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Bưu chính, Viễn thông:

a) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, thành phố để tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp, đại lý thông tin di động trên địa bàn trong đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao theo các quy định tại quyết định này;

b) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao di động trả trước

trên địa bàn theo thẩm quyền và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin di động

1. Đầu tư xây dựng, tổ chức vận hành, khai thác an toàn hệ thống trang thiết bị phục vụ việc đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao theo các quy định tại Quyết định này.

2. Trên cơ sở kế hoạch triển khai quản lý thuê bao di động trả trước của Bộ Thông tin và Truyền thông, xây dựng và báo cáo kế hoạch quản lý thuê bao di động trả trước của mình với Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục đăng ký thông tin thuê bao đối với các phương thức đăng ký quy định tại Điều 6 và báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Thực hiện việc ủy quyền cho các chủ điểm giao dịch việc tiếp nhận đăng ký thông tin thuê bao theo quy định của pháp luật. Công bố và thông báo đến các chủ thuê bao về các điểm giao dịch được ủy quyền.

5. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho các chủ điểm giao dịch và các chủ thuê bao di động trả trước quy định này, kế hoạch và quy trình đăng ký thông tin thuê bao của doanh nghiệp.

6. Tổ chức, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định, các văn bản hướng dẫn thực hiện Quyết định này và các quy trình đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước của doanh nghiệp đối với các chủ điểm giao dịch được ủy quyền.

7. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về chứng minh thư để kiểm tra, đối soát, cập nhật, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao theo quy định của Quyết định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

8. Giải quyết các khiếu nại của khách hàng về việc đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao của doanh nghiệp.

9. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

10. Báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông định kỳ 06 tháng và đột xuất khi có yêu cầu về các nội dung quản lý thuê bao di động trả trước quy định tại Quyết định này.

Điều 11. Trách nhiệm của chủ các điểm giao dịch

1. Chịu trách nhiệm đăng ký, quản lý thông tin thuê bao di động trả trước theo đúng các quy định tại Quyết định này và quy trình đăng ký thông tin thuê bao của doanh nghiệp đối với toàn bộ số thuê bao di động trả trước được doanh nghiệp ủy quyền quản lý.

2. Chịu trách nhiệm kiểm tra, cập nhật và chuyển chính xác, kịp thời cho doanh nghiệp các thông tin thuê bao đã đăng ký tại điểm giao dịch của mình.

3. Giải quyết các khiếu nại của thuê bao di động trả trước về việc đăng ký, quản lý thông tin thuê bao đã đăng ký với mình.

4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Thông báo với doanh nghiệp hoặc các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện các vi phạm trong quá trình đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao di động trả trước.

Điều 12. Trách nhiệm của chủ thuê bao di động trả trước

1. Thực hiện việc đăng ký thông tin thuê bao theo quy định tại Điều 6.

2. Tạo điều kiện cần thiết để doanh nghiệp, chủ điểm giao dịch và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra, xác nhận các thông tin thuê bao đã cung cấp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của mình trong quá trình sử dụng.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của thông tin thuê bao mà mình đăng ký.

4. Thông báo với doanh nghiệp hoặc

chủ điểm giao dịch khi có thay đổi về chủ thuê bao.

5. Thông báo với doanh nghiệp hoặc chủ điểm giao dịch hoặc các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện các vi phạm trong quá trình đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao di động trả trước.

Chương IV

THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 13. Thanh tra, kiểm tra

Việc thanh tra, kiểm tra các hoạt động đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao di động trả trước theo Quyết định này do Thanh tra chuyên ngành Bưu chính Viễn thông thực hiện theo quy định tại Luật thanh tra và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Điều 14. Xử lý vi phạm

Doanh nghiệp thông tin di động, chủ điểm giao dịch và người sử dụng dịch vụ di động trả trước vi phạm các quy định tại quyết định này tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan quản lý nhà nước về bưu chính viễn thông, doanh nghiệp, chủ điểm giao dịch và chủ thuê bao di động trả trước có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy định này.

2. Vụ trưởng Vụ Viễn thông hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này và chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả

tổ chức thực hiện sáu (06) tháng, hàng năm để báo cáo Bộ trưởng.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan cần phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét sửa đổi, bổ sung Quy định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Nam Thắng